

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2007/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 7 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

**Về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển
bằng nguồn Ngân sách nhà nước tập trung của tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2008 – 2010**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ X - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 210/2006/QĐ-TTg ngày 12/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 219/2006/QĐ-TTg ngày 29/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Quyết định số 151/2006/QĐ-TTg ngày 29/6/2006 và Quyết định số 210/2006/QĐ-TTg ngày 12/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 1889/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2007 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2008 – 2010; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh, ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn Ngân sách nhà nước của tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho giai đoạn 2008 - 2010 với những nội dung như sau:

I. Nguyên tắc chung và nguồn vốn phân bổ

1. Nguyên tắc chung:

- Thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, cân đối Ngân sách nhà nước theo các tiêu chí và định mức chi đầu tư phát triển được xây dựng cho năm 2008, là cơ sở để xác định số bổ sung cân đối ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thành phố, được ổn định trong 3 năm của giai đoạn 2008-2010;

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, với ưu tiên hỗ trợ các vùng miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh;

- Bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của Ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để các địa phương chủ động trong việc cân đối, thu hút các nguồn vốn khác đảm bảo mục tiêu huy động cao nhất các nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Phát huy tính tự chủ, năng động sáng tạo và trách nhiệm của các cấp ngân sách;

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển;

- Từ 2009 trở đi, đảm bảo mức vốn đầu tư trong cân đối của các huyện, thành phố không thấp hơn số dự toán UBND tỉnh đã giao năm trước;

- Việc bố trí vốn đầu tư các công trình phải đảm bảo yêu cầu thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành các dự án nhóm B không quá 4 năm, dự án nhóm C không quá 2 năm.

2. Nguồn vốn phân bổ:

Căn cứ mức vốn đầu tư (nguồn vốn ngân sách đầu tư tập trung) Chính phủ giao cho tỉnh Quảng Ngãi và ổn định từ năm 2008-2010 (ngoại trừ các nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, nguồn chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn xổ số kiến thiết, nguồn thu bổ sung từ ngân sách tỉnh) phân bổ như sau:

a. Trả nợ vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương, giao thông nông thôn, hạ tầng thuỷ sản, làng nghề do tỉnh vay từ năm 2007 về trước;

Từ kế hoạch năm 2008 trở đi, nếu địa phương nào có đăng ký vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước (vay vốn tín dụng Ngân hàng phát triển) để thực hiện Chương trình kiên cố hoá kênh mương, giao thông nông thôn, hạ tầng thuỷ sản, làng nghề thì số vốn trả nợ vay sẽ trừ (-) vào kế hoạch vốn hàng năm phân bổ cho địa phương đó.

b. Trả nợ các khoản vay ngân sách khác (do tỉnh vay);

c. Số vốn còn lại, phân bổ 60% thực hiện các mục tiêu do tỉnh quản lý, phân bổ 40% cho các huyện, thành phố quản lý.

Đối với nguồn vượt thu ngân sách tỉnh hàng năm, sau khi đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, số còn lại bổ sung vốn cho các huyện, thành phố theo tiêu chí, định mức tại quy định này.

II. Phân bổ vốn đầu tư phát triển do tỉnh quản lý

Vốn đầu tư phát triển do tỉnh quản lý (phần 60% quy định tại tiết c, điểm 2, mục I nêu trên) được phân bổ cho các mục tiêu theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Đối ứng các dự án ODA và các nguồn viện trợ khác;

- Bố trí quy hoạch và chuẩn bị đầu tư;

- Thanh toán nợ khối lượng hoàn thành;

- Bố trí các công trình trọng điểm;

- **Bố trí các công trình chuyển tiếp;**

- Bố trí các công trình khởi công mới có đầy đủ thủ tục;

- Hỗ trợ đầu tư theo chính sách của tỉnh (quy định cụ thể tại mục IV dưới đây).

III. Phân bổ vốn đầu tư phát triển đối với các huyện, thành phố

(phần 40% quy định tại tiết c, điểm 2, mục I nêu trên)

1. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư:

- Đối ứng các dự án ODA và các nguồn viện trợ khác (nếu có);
- Trả nợ vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thực hiện các chương trình kiên cố hoá kênh mương, giao thông nông thôn, hạ tầng thủy sản và làng nghề do huyện vay (nếu có);
- Bố trí quy hoạch và chuẩn bị đầu tư;
- Thanh toán nợ khối lượng hoàn thành;
- Bố trí các công trình chuyên tiếp.
- Sau khi đã đảm bảo cân đối các mục tiêu trên, số còn lại các huyện, thành phố bố trí các công trình khởi công mới có đầy đủ thủ tục theo quy định.

Đối với các công trình có vốn đối ứng của huyện, thành phố nếu địa phương không bố trí đầy đủ theo cam kết, ngân sách tỉnh sẽ trừ vào số vốn đầu tư đã cân đối cho huyện, thành phố.

Các huyện, thành phố quyết định chủ trương đầu tư đối với những dự án theo phân cấp quyết định đầu tư xây dựng công trình của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư trong cân đối cho các địa phương :

a. Tiêu chí dân số:

- Số dân của huyện, thành phố;
- Số người dân tộc thiểu số.

b. Tiêu chí trình độ phát triển:

- Tỷ lệ hộ nghèo;
- Thu ngân sách (không bao gồm thu tiền sử dụng đất).

c. Tiêu chí diện tích tự nhiên:

d. Tiêu chí đơn vị hành chính:

- Số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn;
- Số xã miền núi, hải đảo;
- Số xã nghèo bãi ngang ven biển.

đ. Tiêu chí bổ sung:

- Thành phố;
- Huyện có quy hoạch lên thị xã đến năm 2010.

3. Phương pháp xác định điểm của các tiêu chí

a. Tiêu chí dân số: bao gồm tổng dân số của huyện, thành phố và số người dân tộc thiểu số (căn cứ vào số liệu cuối năm 2007 do Cục Thống kê tỉnh cung cấp), cách tính cụ thể như sau:

- Điểm tiêu chí dân số chung:
 - + Cứ 10.000 người dân tính 1 điểm;
 - + Dưới 30.000 người được tính 3 điểm.

- Điểm tiêu chí dân tộc thiểu số: cứ 10.000 người dân tộc thiểu số được tính thêm 1 điểm.

b. Tiêu chí trình độ phát triển: bao gồm tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo, thu ngân sách (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) của các huyện, thành phố.

- Điểm tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo: tỷ lệ hộ nghèo do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp vào cuối năm 2007:

+ Các huyện, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10% (theo chuẩn mới) sẽ không tính điểm;

+ Tỷ lệ hộ nghèo 10% được tính 1 điểm và cứ tăng thêm 1% thì được tính thêm 0,1 điểm.

- Điểm tiêu chí thu ngân sách: số thu ngân sách của từng huyện, thành phố được xác định trên cơ sở số liệu giao kế hoạch năm 2007 (không bao gồm thu tiền sử dụng đất), cụ thể:

+ Số thu ngân sách từ 2 tỷ đồng trở xuống được tính 1 điểm;

+ Số thu ngân sách trên 2 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng, cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 0,1 điểm;

+ Số thu ngân sách trên 10 tỷ đến 20 tỷ đồng, cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 0,15 điểm;

+ Số thu ngân sách từ 20 tỷ đồng trở lên, cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 0,2 điểm.

c. Tiêu chí diện tích tự nhiên: số điểm của tiêu chí diện tích tự nhiên được tính như sau:

- Dưới 200 km² tính 3 điểm;

- Từ 200 km² trở lên, cứ 50 km² tăng thêm được tính thêm 0,1 điểm.

d. Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn:

- 01 xã, phường, thị trấn được tính 0,4 điểm;

- 01 xã miền núi, hải đảo được tính thêm 0,2 điểm;

- 01 xã nghèo bãi ngang ven biển được tính thêm 0,2 điểm.

đ. Tiêu chí bổ sung:

- Thành phố: 10 điểm;

- Thị trấn quy hoạch lên thị xã đến năm 2010: 5 điểm.

IV. Hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh

Nguồn vốn đầu tư tập trung trong cân đối phần tỉnh quản lý (60%), ngoài việc đầu tư các dự án trọng điểm, các dự án do các Sở, ngành làm chủ đầu tư còn phải trích ra một khoản dùng để hỗ trợ cho các huyện, thành phố theo các quy định như sau:

1. Những công trình hoàn thành, chuyển tiếp, dự án quy hoạch trong danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2007 trở về trước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư giao cho các huyện, thành phố làm chủ đầu tư thì ngân sách tỉnh tiếp tục bố trí phân vốn theo quyết định được duyệt.

2. Những công trình do thiên tai, hạn hán, khắc phục lũ lụt, những công trình trọng điểm có tác động đến phát triển kinh tế của tỉnh không nằm trong kế hoạch đầu năm của các huyện, thành phố nhưng cần phải được thực hiện khẩn cấp thì Ngân sách tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí để thực hiện.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hoá và triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND khoá X, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2007.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Toán